

Nội dung bài viết

1. [Bộ trắc nghiệm Bài 21 Công nghệ 10: Ôn tập chương 1](#)
2. [Đáp án bộ trắc nghiệm Công nghệ Bài 21 lớp 10: Ôn tập chương 1](#)

Mời các em học sinh tham khảo ngay nội dung **Câu hỏi trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 21 (có đáp án): Ôn tập chương 1** chi tiết, dễ hiểu nhất dưới đây sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về bài học này, từ đó chuẩn bị tốt cho tiết học sắp tới nhé.

### Bộ trắc nghiệm Bài 21 Công nghệ 10: Ôn tập chương 1

**Câu 1:** Phân VSV phân giải chất hữu cơ có tác dụng gì?

- A. Chuyển hóa lân hữu cơ →lân vô cơ
- B. Phân giải chất hữu cơ →chất khoáng đơn giản.
- C. Chuyển hóa lân khó tan → lân dễ tan
- D. Chuyển hóa  $N_2$ → đạm

**Câu 2:**Để tăng độ phì nhiêu của đất chúng ta cần:

- A. Bón phân hữu cơ.
- B. Làm đất, tưới tiêu hợp lí.
- C. Bón phân hữu cơ, tưới tiêu hợp lí.
- D. Làm đất, tưới tiêu hợp lí, bón phân hữu cơ.

**Câu 3:** Thành phần chính của xác thực vật là:

- A. Lipit
- B. Prôtêin
- C. Photpho
- D. Xenlulô

**Câu 4:**Phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ là:

- A. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.
- B. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật cố định nitơ tự do.
- C. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật chuyển hóa lân hữu cơ thành vô cơ.
- D. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật chuyển hóa lân khó tan thành dễ tan.

**Câu 5:** Phân vi sinh vật cố định đạm là:

- A. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.
- B. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật cố định nitơ tự do sống cộng sinh hoặc hội sinh.
- C. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật chuyển hóa lân hữu cơ thành vô cơ.
- D. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật chuyển hóa lân khó tan thành dễ tan.

**Câu 6:** Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch:

- A. Có ổ dịch, đủ thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm.
- B. Đủ thức ăn, độ ẩm thích hợp.
- C. Đủ thức ăn, nhiệt độ thích hợp.
- D. nhiệt độ, độ ẩm thích hợp.

**Câu 7:** Điều kiện để sâu, bệnh phát sinh:

- A. Có nguồn bệnh, đủ thức ăn, khí hậu thuận lợi, chăm sóc mất cân đối.
- B. Đủ thức ăn, độ ẩm thích hợp.
- C. Có nguồn bệnh, nhiệt độ thích hợp.
- D. Nhiệt độ, giống bị nhiễm bệnh.

**Câu 8:** Nguồn sâu bệnh hại:

- A. Sâu non.
- B. Trứng, bào tử.
- C. Nhộng, bào tử, Vi khuẩn.
- D. Trứng, bào tử, Nhộng, VSV.

**Câu 9:** Bệnh hại cây trồng do:

- A. Nấm
- B. Vi khuẩn
- C. Vi rút
- D. Nấm, Vi khuẩn, Vi rút.

**Câu 10:** Tác dụng của việc ngâm đất trong công tác ngăn ngừa sâu, bệnh hại cây trồng?

- A. Làm mất nơi cư trú.
- B. Cản trở, gây khó khăn cho sự phát triển của sâu, bệnh hại.
- C. Ngăn ngừa sâu, bệnh phát triển.
- D. Diệt sâu non, trứng, nhộng,...

**Câu 11:** Nguyên lí nào sau đây không đúng trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?

- A. Sử dụng giống khỏe
- B. Bón thật nhiều dinh dưỡng cho cây
- C. Thăm đồng thường xuyên
- D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 12:** Biện pháp nào sau đây là biện pháp kĩ thuật trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Gieo trồng đúng thời vụ
- B. Sử dụng giống kháng bệnh
- C. Sử dụng thuốc hóa học
- D. Bắt bằng vợt

**Câu 13:** Biện pháp nào sau đây là biện pháp cơ giới vật lí trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Gieo trồng đúng thời vụ
- B. Bắt bằng vợt, bẫy ánh sáng

C. Bón phân cân đối

D. Dùng ong mắt đỏ

**Câu 14:** Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học đến môi trường là:

A. Thuốc bị phân huỷ trong nông sản

B. Thuốc tồn dư trong đất và đi qua các sinh vật khác cuối cùng vào con người

C. Thuốc bị phân huỷ nhanh trong môi trường

D. Sử dụng thuốc có nguồn gốc từ tự nhiên

**Câu 15:** Cần làm gì để đảm bảo an toàn khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật?

A. Chỉ sử dụng thuốc khi sâu bệnh mới phát sinh

B. Chỉ sử dụng thuốc khi sâu bệnh phát sinh thành dịch

C. Sử dụng thuốc có thời gian cách li dài

D. Sử dụng thuốc có phổ tác dụng rộng với một đối tượng sâu bệnh hại

**Câu 16:** Thuốc hóa học bảo vệ thực vật nếu không sử dụng hợp lí sẽ ảnh hưởng như thế nào đến môi trường?

A. Ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng

B. Làm xuất hiện quần thể kháng thuốc

C. Phá vỡ cân bằng sinh thái

D. Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

**Câu 17:** Nguyên tắc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật là:

A. Sử dụng khi có dịch hại

B. Sử dụng đúng hướng dẫn, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường

C. Thuốc có phổ độc rộng để đạt hiệu quả cao

D. Tất cả các ý trên

**Câu 18:** Quy trình nào sau đây để sản xuất chế phẩm Bt theo công nghệ lên men hiếu khí?

- A. Chuẩn bị môi trường – Khử trùng sâu – Cây giống sản xuất– Ủ và theo dõi quá trình lên men – Thu hoạch và tạo dạng chế phẩm
- B. Chuẩn bị môi trường – Khử trùng môi trường – Ủ và theo dõi quá trình lên men – Thu hoạch và tạo dạng chế phẩm
- C. Chuẩn bị môi trường – Khử trùng môi trường – Cây giống sản xuất– Ủ và theo dõi quá trình lên men – Thu hoạch và tạo dạng chế phẩm
- D. Chuẩn bị môi trường – Cây giống sản xuất– Ủ và theo dõi quá trình lên men – Thu hoạch và tạo dạng chế phẩm

**Câu 19:** Quy trình nào sau đây để sản xuất chế phẩm vi rút trừ sâu?

- A. Nuôi sâu hàng loạt – Nhiễm bệnh vi rút cho sâu - Sấy khô - Kiểm tra chất lượng - Pha chế chế phẩm - Đóng gói
- B. Nuôi sâu hàng loạt – Nhiễm bệnh vi rút cho sâu - Pha chế chế phẩm - Sấy khô - Kiểm tra chất lượng - Đóng gói
- C. Nuôi sâu hàng loạt - Pha chế chế phẩm – Nhiễm bệnh vi rút cho sâu- sấy khô - Kiểm tra chất lượng - Đóng gói
- D. Nuôi sâu hàng loạt – Nhiễm bệnh vi rút cho sâu - Pha chế chế phẩm - Kiểm tra chất lượng - Đóng gói

**Câu 20:** Nhóm nấm được ứng dụng rộng rãi trong phòng trừ sâu hại cây trồng là:

- A. Nấm túi
- B. Nấm sợi
- C. Nấm men
- D. Nấm đảm

**Câu 21:** Sau khi nuốt phải bào tử có tinh thể prôtêin độc sâu bọ sẽ bị tê liệt và chết sau:

- A. 1 ngày
- B. 1 tuần
- C. Khoảng 5-6 ngày
- D. 2-4 ngày

**Câu 22:** Thế nào là chế phẩm vi khuẩn trừ sâu?

- A. Dùng vi khuẩn gây nhiễm lên sâu để sản xuất thuốc trừ sâu
- B. Là chế phẩm chứa các vi khuẩn gây bệnh cho sâu
- C. Là chế phẩm chứa các vi khuẩn gây độc cho sâu
- D. Nuôi sâu hàng loạt để cấy vi khuẩn

**Câu 23:**Chế phẩm Bt là gì?

- A. Chế phẩm thảo mộc trừ sâu
- B. Chế phẩm nấm trừ sâu
- C. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu
- D. Chế phẩm virus trừ sâu

**Câu 24:** Sâu bị nhiễm chế phẩm trừ sâu nào thì cơ thể sâu bị mềm nhũn rồi chết?

- A. Chế phẩm nấm trừ sâu
- B. Chế phẩm virus trừ sâu
- C. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu
- D. Tất cả các chế phẩm trên

**Câu 25:** Sâu bị nhiễm chế phẩm nấm phấn trắng thì cơ thể sẽ:

- A. Mềm nhũn rồi chết
- B. Trương phồng lên, nứt ra bộc lộ lớp bụi trắng như bị rắc bột
- C. Bị tê liệt, không ăn uống rồi chết
- D. Cứng lại và trắng ra như bị rắc bột rồi chết

**Câu 26:**Một trong những phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay là:

- A. Xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến sau thu hoạch
- B. Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái
- C. Tăng cường sản xuất lương thực để xuất khẩu

D. Mở rộng khu chăn nuôi, trồng trọt

**Câu 27:** Thành phần nào của keo đất có khả năng trao đổi ion với các ion trong dung dịch đất:

A. Lớp ion quyết định điện.

B. Lớp ion bất động.

C. Lớp ion khuếch tán.

D. Nhân keo đất.

**Câu 28:** Ở Việt Nam, có khoảng bao nhiêu % diện tích đất tự nhiên ở vùng đồi núi?

A. 50%.

B. 60%.

C. < 60%.

D. 70%.

**Câu 29:** Thành tựu nổi bật nhất của ngành nông, lâm, ngư nghiệp nước ta trong những năm gần đây là:

A. Sản xuất lương thực tăng liên tục

B. Sản phẩm của ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã được xuất khẩu ra thị trường quốc tế

C. Đáp ứng được nhu cầu sản xuất công nghiệp

D. Hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung

**Câu 30:** Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân:

A. Sản xuất lương thực tăng liên tục

B. Hệ thống giống cây trồng, vật nuôi; cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa chất lượng cao

C. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến

D. Tất cả các ý trên

**Câu 31:** Hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong tổng số lao động tham gia vào các ngành kinh tế?

- A. Trên 50%
- B. 30%
- C. 80%
- D. 20%

**Câu 32:** Những tồn tại, hạn chế của ngành nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay?

- A. Năng suất và chất lượng còn thấp
- B. Hệ thống giống cây trồng, vật nuôi; cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa chất lượng cao
- C. Xuất khẩu còn hạn chế, giá rẻ do chế biến kém, chủ yếu bán sản phẩm thô
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 33:** Mục đích của công tác khảo nghiệm giống cây trồng?

- A. Cung cấp những thông tin về giống.
- B. Tạo số lượng lớn hạt giống cung cấp cho đại trà.
- C. Duy trì độ thuần chủng của giống.
- D. Đánh giá khách quan, chính xác và công nhận kịp thời giống cây trồng mới phù hợp với từng vùng.

**Câu 34:** Công tác xem xét, theo dõi các đặc điểm sinh học, kinh tế, kỹ thuật canh tác để đánh giá xác nhận cây trồng là:

- A. Khảo nghiệm giống cây trồng
- B. Sản xuất giống cây trồng
- C. Nhân giống cây trồng
- D. Xác định sức sống của hạt

**Câu 35:** Khảo nghiệm giống cây trồng có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa giống mới vào:

- A. Sản xuất.
- B. Trồng, cấy.



C. Phổ biến trong thực tế.

D. Sản xuất đại trà.

**Câu 36:** Giống mới nếu không qua khảo nghiệm sẽ như thế nào?

A. Không sử dụng và khai thác tối đa hiệu quả của giống mới.

B. Không được công nhận kịp thời giống.

C. Không biết được những thông tin chủ yếu về yêu cầu kỹ thuật canh tác.

D. Không biết sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống.

**Câu 37:** Quy trình thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng:

A. TN kiểm tra kỹ thuật → TN so sánh giống → TN sản xuất quảng cáo.

B. TN so sánh giống → TN kiểm tra kỹ thuật → TN sản xuất quảng cáo.

C. TN sản xuất quảng cáo → TN kiểm tra kỹ thuật → TN so sánh giống

D. TN so sánh giống → TN sản xuất quảng cáo → TN kiểm tra kỹ thuật.

**Câu 38:** Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng:

A. Sản xuất hạt giống SNC

B. Đưa giống mới phổ biến nhanh vào sản xuất.

C. Đưa giống tốt phổ biến nhanh vào sản xuất.

D. Tạo ra số lượng lớn cần thiết để cung cấp cho sản xuất đại trà

**Câu 39:** Quá trình hạt giống được cơ quan chọn tạo giống nhà nước cung cấp đến khi nhân được số lượng lớn hạt giống phục vụ cho sản xuất đại trà phải trải qua các giai đoạn sản xuất hạt giống sau:

A. Từ hạt tác giả → hạt siêu nguyên chủng → hạt nguyên chủng → hạt xác nhận

B. Giống thoái hóa → hạt siêu nguyên chủng → hạt nguyên chủng → hạt xác nhận

C. Giống nhập nội → hạt siêu nguyên chủng → hạt nguyên chủng → hạt xác nhận

D. Hạt giống siêu nguyên chủng → hạt nguyên chủng → hạt xác nhận

**Câu 40:** Trong hệ thống sản xuất giống cây trồng, mục đích tạo ra hạt giống xác nhận là:

- A. Do hạt nguyên chủng tạo ra
- B. Do hạt siêu nguyên chủng tạo ra
- C. Để nhân ra một số lượng hạt giống
- D. Để cung cấp cho nông dân sản xuất đại trà

**Câu 41:** Sản xuất giống ở cây trồng thụ phấn chéo cần loại bỏ cây xấu khi:

- A. Cây chưa ra hoa
- B. Hoa đực chưa tung phấn.
- C. Hoa đực đã tung phấn
- D. Cây đã kết quả

**Câu 42:** Đối với giống cây trồng do tác giả cung cấp giống hoặc có hạt giống siêu nguyên chủng thì quy trình sản xuất hạt giống theo sơ đồ?

- A. Phục tráng
- B. Tự thụ phấn
- C. Thụ phấn chéo
- D. Duy trì

**Câu 43:** Nuôi cấy mô, tế bào là phương pháp

- A. Tách rời tế bào, mô giâm trong môi trường có chất kích thích để mô phát triển thành cây trưởng thành.
- B. Tách rời tế bào TV nuôi cấy trong môi trường dinh dưỡng thích hợp giống như trong cơ thể sống, giúp tế bào phân chia, biệt hóa thành mô, cơ quan, phát triển thành cây hoàn chỉnh.
- C. Tách mô, nuôi dưỡng trong môi trường có chất kích thích tạo chồi, rễ, phát triển thành cây mới.
- D. Tách tế bào TV nuôi cấy trong môi trường cách li để tế bào TV sống, phát triển thành cây hoàn chỉnh.

**Câu 44:** Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào là.....của tế bào thực vật.

- A. Tính đa dạng.
- B. Tính ưu việt.

C. Tính năng động.

D. Tính toàn năng.

**Câu 45:** Tế bào phôi sinh là:

A. Những tế bào đã được biệt hóa.

B. Những tế bào hình thành ở giai đoạn đầu tiên của hợp tử .

C. Những tế bào hình thành ở giai đoạn đầu của hợp tử chưa mang chức năng chuyên biệt.

D. Những tế bào có tính toàn năng.

**Câu 46:** Mỗi một hạt keo đất có cấu tạo như thế nào?

A. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bất động → lớp ion khuếch tán.

B. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bù → lớp ion bất động.

C. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion khuếch tán → lớp ion bất động.

D. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bù → lớp ion khuếch

**Câu 47:** Tác dụng của biện pháp bón vôi ở cải tạo đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá?

A. Giảm độ chua của đất

B. Tăng độ phì nhiêu

C. Khử phèn

D. Rửa mặn

**Câu 48:** Tác dụng của biện pháp cày sâu dần kết hợp bón tăng phân hữu cơ và bón phân hóa học hợp lí ở cải tạo đất xám bạc màu?

A. Tăng độ phì nhiêu cho đất

B. Cung cấp chất dinh dưỡng và tăng vi sinh vật trong đất

C. Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho đất

D. Làm tăng đất mặt dày lên, tăng độ phì nhiêu cho đất

**Câu 49:** Quá trình hình thành  $S \rightarrow FeS_2 \rightarrow H_2SO_4$  của đất phèn cần chú ý đến điều kiện:

- A. Yếm khí, thoát nước, thoát khí.
- B. Hiếu khí, thoát nước, thoát khí.
- C. Có xác sinh vật.
- D. Có chứa S.

**Câu 50:** Đất phèn có thành phần cơ giới nặng, đất rất chua và có:

- A.  $\text{pH} < 7$ .
- B.  $\text{pH} < 4$ .
- C.  $\text{pH} > 7$ .
- D.  $\text{pH} > 4$ .

**Câu 51:** Sau khi sử dụng phân hữu cơ cần chú ý điểm gì?

- A. Phân đạm, kali chủ yếu dùng bón thúc là chính.
- B. Phải bón vôi
- C. Phải ủ trước khi bón
- D. Ít nguyên tố khoáng

**Câu 52:** Phân hữu cơ có đặc điểm:

- A. Khó hoà tan, tỉ lệ chất dinh dưỡng cao.
- B. Dễ hoà tan, có nhiều chất dinh dưỡng.
- C. Khó hoà tan, có chứa nhiều chất dinh dưỡng.
- D. Dễ hoà tan, tỉ lệ dinh dưỡng thấp

**Câu 53:** Loại phân nào dùng để bón lót là chính:

- A. Đạm.
- B. Phân chuồng.
- C. Phân NPK.
- D. Kali.

**Câu 54:** Phân có tác dụng cải tạo đất:

- A. Phân Hóa học.
- B. Phân hữu cơ, phân vi sinh.
- C. Phân vi sinh.
- D. Phân lân.

**Câu 55:** Phân hữu cơ trước khi sử phải ủ cho hoai mục nhằm:

- A. Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải và tiêu diệt mầm bệnh.
- B. Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải.
- C. Tiêu diệt mầm bệnh.
- D. Cây hấp thụ được.

**Câu 56:** Biện pháp nào sau đây là biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Sử dụng giống kháng bệnh
- B. Cắt cành bị bệnh
- C. Bón phân cân đối
- D. Dùng ong mắt đỏ

**Câu 57:** Biện pháp nào sau đây là biện pháp hóa học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Bón phân cân đối
- B. Dùng ong mắt đỏ
- C. Phun thuốc trừ sâu
- D. Bẫy mùi vị

**Câu 58:** Trường hợp nào sau không phải là biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học?

- A. Sử dụng thuốc có tính chọn lọc cao và phân giải nhanh
- B. Dùng đúng loại thuốc, đúng nồng độ và liều, đúng thời điểm

C. Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường

D. Cứ xuất hiện sâu, bệnh là dùng thuốc hoá học

**Câu 59:** Tác hại của thuốc bảo vệ thực vật là:

A. Gây ô nhiễm đất, nước, không khí, phá vỡ cân bằng sinh thái, phát sinh những dòng đột biến có lợi. Gây bệnh hiểm nghèo cho người

B. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, bảo vệ những loài sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người

C. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, phát sinh đột biến kháng thuốc, diệt trừ các quần thể sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người

D. Rau màu xanh tốt, chất lượng sản phẩm nâng cao, nhưng ô nhiễm môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái

**Câu 60:** Vì sao sử dụng thuốc hóa học có ảnh hưởng xấu đến quần thể sinh vật?

A. Thuốc có phổ độc rất rộng

B. Thuốc đặc hiệu

C. Thuốc bị phân huỷ nhanh trong môi trường

D. Thuốc có thời gian cách li ngắn

**Đáp án bộ trắc nghiệm Công nghệ Bài 21 lớp 10: Ôn tập chương 1**

**Câu 1:**

Đáp án: B. Phân giải chất hữu cơ → chất khoáng đơn giản.

Giải thích: Phân VSV phân giải chất hữu cơ có tác dụng phân giải chất hữu cơ → chất khoáng đơn giản – SGK trang 43

**Câu 2:**

Đáp án: D. Làm đất, tưới tiêu hợp lí, bón phân hữu cơ.

Giải thích: Để tăng độ phì nhiêu của đất chúng ta cần phải làm đất, tưới tiêu hợp lí, bón phân hữu cơ

**Câu 3:**

Đáp án: D. Xenlulô

Giải thích: Thành phần chính của xác thực vật là xenlulô –SGK trang 43

**Câu 4:**

Đáp án: A. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.

Giải thích: Phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ là loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật phân giải chất hữu cơ –SGK trang 43

**Câu 5:**

Đáp án: B. loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật cố định nitơ tự do sống cộng sinh hoặc hội sinh.

Giải thích: Phân vi sinh vật cố định đạm là loại phân bón có chứa các loài vi sinh vật cố định nitơ tự do sống cộng sinh hoặc hội sinh – SGK trang 42

**Câu 6:**

Đáp án: A. Có ổ dịch, đủ thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm.

Giải thích: Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch là có ổ dịch, đủ thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm – SGK trang 49

**Câu 7:**

Đáp án: A. Có nguồn bệnh, đủ thức ăn, khí hậu thuận lợi, chăm sóc mất cân đối

Giải thích: Điều kiện để sâu, bệnh phát sinh là có nguồn bệnh, đủ thức ăn, khí hậu thuận lợi, chăm sóc mất cân đối – SGK trang 49

**Câu 8:**

Đáp án: D. Trùng, bào tử, Nhộng, VSV.

Giải thích: Nguồn sâu bệnh hại gồm trùng, bào tử, Nhộng, VSV – SGK trang 47

**Câu 9:**

Đáp án: D. Nấm, Vi khuẩn, Vi rút.

Giải thích: Bệnh hại cây trồng do: Nấm, Vi khuẩn, Vi rút

**Câu 10:**

Đáp án: D. Diệt sâu non, trùng, nhộng,...

Giải thích: Tác dụng của việc ngâm đất trong công tác ngăn ngừa sâu, bệnh hại cây trồng là Diệt sâu non, trứng, nhộng,...

**Câu 11:**

Đáp án: B. Bón thật nhiều dinh dưỡng cho cây

Giải thích: Nguyên lí không đúng trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng là bón thật nhiều dinh dưỡng cho cây – SGK trang 54

**Câu 12:**

Đáp án: A. Gieo trồng đúng thời vụ

Giải thích: Biện pháp là biện pháp kĩ thuật trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng là gieo trồng đúng thời vụ - SGK trang 54

**Câu 13:**

Đáp án: B. Bắt bằng vợt, bẫy ánh sáng

Giải thích: Biện pháp là biện pháp cơ giới vật lí trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng là bắt bằng vợt, bẫy ánh sáng – SGK trang 55

**Câu 14:**

Đáp án: B. Thuốc tồn dư trong đất và đi qua các sinh vật khác cuối cùng vào con người

Giải thích: Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học đến môi trường là: Thuốc tồn dư trong đất và đi qua các sinh vật khác cuối cùng vào con người – SGK trang 59

**Câu 15:**

Đáp án: B. Chỉ sử dụng thuốc khi sâu bệnh phát sinh thành dịch

Giải thích: Để đảm bảo an toàn khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: Chỉ sử dụng thuốc khi sâu bệnh phát sinh thành dịch – SGK trang 59

**Câu 16:**

Đáp án: D. Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

Giải thích: Thuốc hóa học bảo vệ thực vật nếu không sử dụng hợp lí sẽ ảnh hưởng đến môi trường nh: Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí - SGK trang 59

**Câu 17:**

Đáp án: D. Tất cả các ý trên



Giải thích: Nguyên tắc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật là: Sử dụng khi có dịch hại. Sử dụng đúng hướng dẫn, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Thuốc có phổ độc rộng để đạt hiệu quả cao – SGK trang 59

**Câu 18:**

Đáp án: C. Chuẩn bị môi trường – Khử trùng môi trường – Cây giống sản xuất– Ủ và theo dõi quá trình lên men – Thu hoạch và tạo dạng chế phẩm

Giải thích: Quy trình nào để sản xuất chế phẩm Bt theo công nghệ lên men hiếu khí: Chuẩn bị môi trường – Khử trùng môi trường – Cây giống sản xuất– Ủ và theo dõi quá trình lên men – Thu hoạch và tạo dạng chế phẩm – Hình 20.1 SGK trang 61

**Câu 19:**

Đáp án: B. Nuôi sâu hàng loạt – Nhiễm bệnh vi rút cho sâu - Pha chế chế phẩm - Sấy khô - Kiểm tra chất lượng - Đóng gói

Giải thích: Quy trình để sản xuất chế phẩm vi rút trừ sâu: Nuôi sâu hàng loạt – Nhiễm bệnh vi rút cho sâu - Pha chế chế phẩm - Sấy khô - Kiểm tra chất lượng - Đóng gói – Hình 20.2 SGK trang 61

**Câu 20:**

Đáp án: A. Nấm túi

Giải thích: Nhóm nấm được ứng dụng rộng rãi trong phòng trừ sâu hại cây trồng là: Nấm túi – SGK trang 62

**Câu 21:**

Đáp án: D. 2-4 ngày

Giải thích: Sau khi nuốt phải bào tử có tinh thể prôtêin độc sâu bọ sẽ bị tê liệt và chết sau: 2-4 ngày – SGK trang 60

**Câu 22:**

Đáp án: C. Là chế phẩm chứa các vi khuẩn gây độc cho sâu

Giải thích: Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu: Là chế phẩm chứa các vi khuẩn gây độc cho sâu

**Câu 23:**

Đáp án: C. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu

Giải thích: Chế phẩm Bt là : Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu – SGK trang 61

**Câu 24:**

Đáp án: B. Chế phẩm virus trừ sâu

Giải thích: Sâu bị nhiễm chế phẩm virus trừ sâu thì cơ thể sâu bị mềm nhũn rồi chết – SGK trang 61

**Câu 25:**

Đáp án: D. Cứng lại và trắng ra như bị rắc bột rồi chết

Giải thích: Sâu bị nhiễm chế phẩm nấm phân trắng thì cơ thể sẽ: Cứng lại và trắng ra như bị rắc bột rồi chết – SGK trang 62

**Câu 26:**

Đáp án: B. Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái

Giải thích: Một trong những phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay là: Xây dựng một nền nông nghiệp tăng trưởng nhanh và bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái – SGK trang 8

**Câu 27:**

Đáp án: C. Lớp ion khuếch tán.

Giải thích: Keo đất có khả năng trao đổi ion ở lớp ion khuếch tán với các ion của dung dịch đất – SGK trang 22

**Câu 28:**

Đáp án: D. 70%.

Giải thích: Ở Việt Nam, có khoảng 70% diện tích đất tự nhiên ở vùng đồi núi – SGK trang 27

**Câu 29:**

Đáp án: A. Sản xuất lương thực tăng liên tục

Giải thích: Thành tựu nổi bật nhất của ngành nông, lâm, ngư nghiệp nước ta trong những năm gần đây là: Sản xuất lương thực tăng liên tục – SGK trang 7

**Câu 30:**

Đáp án: C. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến.

Giải thích: Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân: Ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến – SGK trang 6

**Câu 31:**

Đáp án: A. Trên 50%

Giải thích: Hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong tổng số lao động tham gia vào các ngành kinh tế: Trên 50% - hình 1.2 SGK trang 6

**Câu 32:**

Đáp án: D. Tất cả các ý trên

Giải thích: Những tồn tại, hạn chế của ngành nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay: Năng suất và chất lượng còn thấp. Hệ thống giống cây trồng, vật nuôi; cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa chất lượng cao. Xuất khẩu còn hạn chế, giá rẻ do chế biến kém, chủ yếu bán sản phẩm thô – SGK trang 7

**Câu 33:**

Đáp án: D. Đánh giá khách quan, chính xác và công nhận kịp thời giống cây trồng mới phù hợp với từng vùng.

Giải thích: Mục đích của công tác khảo nghiệm giống cây trồng là: đánh giá khách quan, chính xác và công nhận kịp thời giống cây trồng mới phù hợp với từng vùng – SGK trang 9

**Câu 34:**

Đáp án: A. Khảo nghiệm giống cây trồng

Giải thích: Khảo nghiệm giống cây trồng là công tác xem xét, theo dõi các đặc điểm sinh học, kinh tế, kỹ thuật canh tác để đánh giá xác nhận cây trồng

**Câu 35:**

Đáp án: D. Sản xuất đại trà.

Giải thích: Để đưa giống mới vào sản xuất đại trà cần khảo nghiệm giống cây trồng

**Câu 36:**

Đáp án: C. Không biết được những thông tin chủ yếu về yêu cầu kỹ thuật canh tác.

Giải thích: Giống mới nếu không qua khảo nghiệm sẽ không biết được những thông tin về đặc tính và yêu cầu kỹ thuật của giống – SGK trang 9

**Câu 37:**

Đáp án: B. TN so sánh giống →TN kiểm tra kỹ thuật →TN sản xuất quảng cáo.

Giải thích: Quy trình thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng: TN so sánh giống →TN kiểm tra kỹ thuật →TN sản xuất quảng cáo – SGK trang 10, 11

**Câu 38:**

Đáp án: D. Tạo ra số lượng lớn cần thiết để cung cấp cho sản xuất đại trà

Giải thích: Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng: Tạo ra số lượng lớn cần thiết để cung cấp cho sản xuất đại trà – SGK trang 12

**Câu 39:**

Đáp án: D. Hạt giống siêu nguyên chủng → hạt nguyên chủng →hạt xác nhận

Giải thích: Quá trình hạt giống được cơ quan chọn tạo giống nhà nước cung cấp đến khi nhân được số lượng lớn hạt giống phục vụ cho sản xuất đại trà phải trải qua các giai đoạn sản xuất hạt giống sau: Hạt giống siêu nguyên chủng → hạt nguyên chủng →hạt xác nhận – SGK trang 12

**Câu 40:**

Đáp án: D. Để cung cấp cho nông dân sản xuất đại trà

Giải thích: Trong hệ thống sản xuất giống cây trồng, mục đích tạo ra hạt giống xác nhận là: Để cung cấp cho nông dân sản xuất đại trà – SGK trang 13

**Câu 41:**

Đáp án: B. Hoa đực chưa tung phấn.

Giải thích: Sản xuất giống ở cây trồng thụ phấn chéo cần loại bỏ cây xấu khi hoa đực chưa tung phấn – SGK trang 15

**Câu 42:**

Đáp án: D. Duy trì

Giải thích: Đối với giống cây trồng do tác giả cung cấp giống hoặc có hạt giống siêu nguyên chủng thì quy trình sản xuất hạt giống theo sơ đồ duy trì – SGK trang 13

**Câu 43:**

Đáp án: B. Tách rời tế bào TV nuôi cấy trong môi trường dinh dưỡng thích hợp giống như trong cơ thể sống, giúp tế bào phân chia, biệt hóa thành mô, cơ quan, phát triển thành cây hoàn chỉnh.

Giải thích: Nuôi cấy mô, tế bào là phương pháp tách rời tế bào TV nuôi cấy trong môi trường dinh dưỡng thích hợp giống như trong cơ thể sống, giúp tế bào phân chia, biệt hóa thành mô, cơ quan, phát triển thành cây hoàn chỉnh. – SGK trang 19

**Câu 44:**

Đáp án: D. Tính toàn năng.

Giải thích: Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào là tính toàn năng của tế bào thực vật \_ SGK trang 19

**Câu 45:**

Đáp án: C. Những tế bào hình thành ở giai đoạn đầu của hợp tử chưa mang chức năng chuyên biệt.

Giải thích: Tế bào phôi sinh là những tế bào hình thành ở giai đoạn đầu của hợp tử chưa mang chức năng chuyên biệt – SGK trang 20

**Câu 46:**

Đáp án: A. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bất động → lớp ion khuếch tán.

Giải thích: Mỗi 1 hạt keo có 1 nhân. Lớp phân tử nằm phía ngoài của nhân phân li thành các ion và tạo ra lớp ion quyết định điện. Phía ngoài là lớp ion bù (gồm lớp ion bất động và lớp ion khuếch tán) mang điện tích trái dấu – Hình 7 SGK trang 22

**Câu 47:**

Đáp án: A. Giảm độ chua của đất

Giải thích: Biện pháp bón vôi ở cải tạo đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá giúp giảm độ chua của đất

**Câu 48:**

Đáp án: B. Cung cấp chất dinh dưỡng và tăng vi sinh vật trong đất

Giải thích: Biện pháp cày sâu dần kết hợp bón tăng phân hữu cơ và bón phân hóa học hợp lí ở cải tạo đất xám bạc màu giúp cung cấp chất dinh dưỡng và tăng vi sinh vật trong đất.)

**Câu 49:**

Đáp án: A. Yếm khí, thoát nước, thoáng khí.

Giải thích: Quá trình hình thành  $S \rightarrow FeS_2 \rightarrow H_2SO_4$  của đất phèn cần chú ý đến điều kiện: yếm khí, thoát nước, thoáng khí – SGK trang 33

**Câu 50:**

Đáp án: B.  $\text{pH} < 4$ .

Giải thích: Đất phèn có thành phần cơ giới nặng, đất rất chua và có  $\text{pH} < 4$  – SGK trang 33

**Câu 51:**

Đáp án: C. Phải ủ trước khi bón

Giải thích: Sau khi sử dụng phân hữu cơ cần chú ý phải ủ trước khi bón để cho phân hoại mục – SGK trang 40

**Câu 52:**

Đáp án: C. Khó hoà tan, có chứa nhiều chất dinh dưỡng.

Giải thích: Phân hữu cơ có đặc điểm khó hoà tan, có chứa nhiều chất dinh dưỡng

**Câu 53:**

Đáp án: B. Phân chuồng.

Giải thích: Loại phân nào dùng để bón lót là chính là phân hữu cơ-phân chuồng – SGK trang 40

**Câu 54:**

Đáp án: B. Phân hữu cơ, phân vi sinh.

Giải thích: Phân có tác dụng cải tạo đất là phân hữu cơ và phân vi sinh – SGK trang 39

**Câu 55:**

Đáp án: D. Cây hấp thụ được.

Giải thích: Phân hữu cơ trước khi sử phải ủ cho hoại mục nhằm để hoại mục để cây hấp thụ được – SGK trang 39

**Câu 56:**

Đáp án: D. Dùng ong mắt đỏ

Giải thích: Biện pháp là biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng là dùng ong mắt đỏ - SGK trang 55

**Câu 57:**

Đáp án: C. Phun thuốc trừ sâu

Giải thích: Biện pháp là biện pháp hóa học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng là phun thuốc trừ sâu – SGK trang 55

**Câu 58:**

Đáp án: D. Cứ xuất hiện sâu, bệnh là dùng thuốc hoá học

Giải thích: Trường hợp không phải là biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hoá học là cứ xuất hiện sâu, bệnh là dùng thuốc hoá học- SGK trang 59

**Câu 59:**

Đáp án: C. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, phát sinh đột biến kháng thuốc, diệt trừ các quần thể sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người

Giải thích: Tác hại của thuốc bảo vệ thực vật là: Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, phát sinh đột biến kháng thuốc, diệt trừ các quần thể sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người – SGK trang 59

**Câu 60:**

Đáp án: A. Thuốc có phổ độc rất rộng

Giải thích: Sử dụng thuốc hóa học có ảnh hưởng xấu đến quần thể sinh vật do thuốc có phổ độc rất rộng – SGK trang 58

►► **CLICK NGAY** vào đường dẫn dưới đây để **TÁI VỀ** lời giải **Câu hỏi trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 21 (có đáp án): Ôn tập chương 1** chi tiết, đầy đủ nhất, file pdf hoàn toàn miễn phí từ chúng tôi, hỗ trợ các em ôn luyện giải đề đạt hiệu quả nhất.